

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2017.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC-TỈNH HÒA BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Đình Dũng**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Bùi Thanh Xuân**
2. Bà **Bùi Thị Liên**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Tăng Thị Hồng**-Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Ông **Đình Mạnh Cơ** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1989.

Trú tại: Xóm K, xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Hiện ở: Xóm M, xã N, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

2. *Bị đơn:* Anh **Đình Công T**, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm K, xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Bùi Thị N và quá trình tố tụng tiếp theo vụ án được xác định như sau: Chị và anh Đình Công T kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 05/12/2008. Quá trình chung sống của vợ chồng: Thời gian đầu bình thường khoảng 03 năm nhưng càng sống vợ chồng càng có nhiều mâu thuẫn như : Vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn, trái ngược quan điểm về lối sống, sinh hoạt... Anh T không chịu khó làm ăn, khi chị nói và góp ý thì đánh đập, chửi bới chị, đuổi chị ra khỏi nhà... Chị đã cố nhẫn nhịn mong anh thay đổi để có một cuộc sống hạnh phúc như những người khác. Nhưng đến khi chị sinh con gái, những tưởng anh T sẽ thay đổi song anh T không những không thay đổi mà còn tệ hơn; suốt ngày rượu chè bê tha, trong nhà có gì đáng giá mang bán uống rượu và ăn chơi hết. Thấy không chịu đựng được, năm 2014 chị đã làm đơn xin ly hôn. Anh T xin chị tha thứ và viết cam đoan trước xã sẽ thay đổi vì vậy chị đã rút đơn về. Tuy nhiên sau khi chị rút đơn về anh T không có gì thay đổi; mọi công việc trong gia đình chị phải gánh vác nên rất

một mỗi - anh T không quan tâm cùng chị xây dựng cuộc sống gia đình mặc dù đã được chị và hai bên gia đình khuyên giải, động viên. Thấy tình cảm vợ chồng đã sút mẻ, không có khả năng hàn gắn nên chị làm đơn xin ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Có một con tên là Đinh Thục Q, sinh ngày 13/9/2013. Khi ly hôn chị N xin được nuôi dưỡng giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh Đinh Công T cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Anh Đinh Công T là bị đơn trong vụ án nhưng khi tòa thông báo và báo gọi, không chịu đến tòa làm việc. Chị N đề nghị nhiều lần anh T cũng không đi. Theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa phải xuống tận nhà, nơi cư trú của anh T thì anh T mới chịu làm việc. Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, bị đơn anh Đinh Công T đưa ra quan điểm: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung và công nợ chung tương tự như chị Bùi Thị N trình bày nhưng có một số điểm khác như: Về nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng anh có lỗi vì bán tài sản gia đình nhưng ngoài ra anh không có lỗi gì cả. Tất cả là do chị N bỏ đi làm ăn và sau đó kiên quyết xin ly hôn. Anh vẫn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Vì nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, nên Tòa phải điều tra xác minh và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Việc giao quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với chị N, anh T được thực hiện đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị gì về tố tụng. Về nội dung vụ án Viện đưa ra quan điểm: Chị N và anh T không thể chung sống với nhau được nữa nên cho ly hôn. Về con chung: Do cháu còn nhỏ nên giao cho mẹ nuôi và chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề cập. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Thị N và anh Đinh Công T kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong cuộc sống gia đình anh chị thiếu sự cảm thông chia sẻ, thiếu quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị N biết về làm vợ anh T là phải làm dâu con trong nhà chồng nên chị đã cố gắng chăm lo, hoàn thành bổn phận; Làm tròn vai trò của người vợ, người mẹ và người con trong gia đình không để lại điều tiếng gì xấu trong gia đình cũng như xóm làng nơi vợ chồng sinh sống cùng gia đình chồng. Nhưng mâu thuẫn phát sinh do anh T thiếu quan tâm, chăm sóc đến gia đình vợ con và mâu thuẫn vợ chồng cứ lớn dần, không được giải quyết bị dồn nén, tích tụ. Song vì con cái và vì hy vọng ở tương lai sẽ tốt đẹp chị cố nín nhịn. Nhưng rồi những hy vọng ấy cũng không còn vì tình trạng anh T

ngày càng trầm trọng hơn. Tình cảm vợ chồng mất dần đến không còn khả năng cứu vãn; Chị N chỉ còn trách nhiệm. Trách nhiệm của chị dồn vào con, còn với chồng và gia đình chồng dần dần chỉ còn sự thờ ơ vô cảm – Chị còn phải bươn chải lo cho mình, lo cho con, chị không còn muốn quan tâm đến anh và gia đình anh nữa. Anh Đình Công T chỉ có lời nói thương vợ con nhưng không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thể hiện được vai trò của người chồng là: Trụ cột cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân và không còn muốn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy: Tình trạng vợ chồng giữa chị Bùi Thị N và anh Đình Công T đã trầm trọng; Mục đích hôn nhân không đạt; Cuộc sống chung có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc mà chỉ là sự chịu đựng lẫn nhau. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Đình Công T là phù hợp.

[2] Về con chung: Có một con tên là Đình Thục Q, sinh ngày 13/9/2013. Theo quy định của pháp luật cả chị Bùi Thị N và anh Đình Công T đều có quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặc dù tại bản tự khai của anh T cũng thể hiện quan điểm muốn được nuôi con và nếu được nuôi con anh yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đ/tháng; Tại phiên tòa anh thay đổi chỉ xin nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Nhưng: Hiện anh Đình Công T chưa có việc làm và thu nhập ổn định - cháu Q mới được 04 tuổi, đang còn nhỏ và rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị N đang có việc làm và thu nhập ổn định để nuôi dưỡng và chăm lo cho con, khi ly hôn chị cũng xin được trực tiếp chăm sóc giáo dục con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy : Để cuộc sống của cháu Đình Thục Q ổn định và phát triển và để “ *Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con* ” theo khoản 2 điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy: Cần giao cháu Đình Thục Q, sinh ngày 13/9/2013 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N chưa yêu cầu anh Đình Công T phải cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở.

[3] Về tài chung: Vợ chồng N,T kết hôn và ở với nhau không có tài sản chung. Nguyên đơn, chị N không yêu cầu gì nên Tòa không đề cập.

Công nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51, 56, 57, 58, 59 và 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Về thân phận: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Đình Công T.

2. Về con chung-Xử: Giao cháu Đình Thục Q, sinh ngày 13/9/2013 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N chưa yêu cầu anh Đình Công T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đã nộp tại biên lai ký hiệu AA2010 số: 03308 ngày 20/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, nay được khấu trừ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.
- VKS ND huyện Tân Lạc, HB.
- Chi cục THA DS huyện Tân Lạc, HB.
- UBND xã P, T Lạc, HB.
- Lưu hồ sơ vụ án..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

BÙI ĐÌNH DŨNG